TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2017/LĐ-ST
Ngày: 31-8-2017
V/v tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ Trung Kiên
2. Ông Nguyễn Bảo Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy - là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trúc Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 8/2017/TLST-LĐ ngày 13 tháng 2 năm 2017 về việc "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2017/QĐXXST - LĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M; Địa chỉ: đường N, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu L , sinh năm 1973; Địa chỉ: đường Đ, Phường Q, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền có số công chứng 005192 ngày 22/3/2017 tại Phòng công chứng số 1). (ông L có mặt).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam; Trụ sở: đường C , Phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Phước L là đại diện theo pháp luật – Chủ tịch hội đồng thanh viên công ty (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/01/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 30/6/2016 bà M bắt đầu vào làm thử việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty) trong thời gian 02 tháng với vị trí Office Manager, mức lương 70% lương chính thức tương ứng là 7.000.000đ/tháng theo thư Offer letter ngày 29/6/2016.

Sau khi hết thời gian thử việc, Công ty có bà Võ Thị Thu H đại diện ký với bà Mẫn hợp đồng lao động số HDLD/M810215-160630AOD-NDNVN có thời hạn 12 tháng, kể từ ngày 01/9/2016 đến 01/9/2017, mức lương là 10.000.000đ/tháng. Kể từ thời gian này, Công ty buộc bà M phải ký quỹ theo hình thức mỗi tháng Công ty sẽ giữ lại 10% lương tương ứng 1.000.000đ/tháng. Trong quá trình làm việc, Công ty không hề đóng các khoản BHXH, BHYT cho bà M.

Trong thời gian làm việc, bà vẫn phụ trách và vận hành công việc trôi chảy bình thường và không bị khiển trách gì bằng văn bản. Ngày 26/12/2016, bất ngờ ông Nguyễn Công M gọi bà M vào làm việc và thông báo chấm dứt công việc của bà M tại Công ty, kèm theo Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động cùng ngày do ông Nguyễn Công M ký và buột bà M dọn hết đồ cá nhân ngay trong ngày và không được vào Công ty nữa, đó cũng là ngày làm việc cuối cùng của bà M. Đến ngày 30/12/2016, khi không được nhận lương tháng 12/2016 kể cả tiền làm thêm giờ, tiền ký quỹ lương 03 tháng thì bà M có thắc mắc thì vào ngày 03/01/2017 nhân viên Công ty có liên hệ là bà M sẽ nhận được số tiền lương 10.486.000đ, tiền ký quỹ 3.000.000đ nếu ký vào đơn xin nghĩ việc nhưng bà M không đồng ý ký. Sau đó, do có sự tác động đến người nhà Giám đốc nên Công ty đã thanh toán cho bà Mẫn số tiền 13.486.000đ. Từ đó cho đến nay, Công ty không thanh toán cho bà M thêm bất kỳ khoản nào.

Do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên bà M khởi kiện và có những yêu cầu sau đối với Công ty:

- Yêu cầu bồi thường 8 tháng lương còn hiệu lực của hợp đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái luật là: 8 x 10.000.000đ = 80.000.000đ.

- Bồi thường vi phạm thời gian báo trước 30 ngày tương đương 1 tháng lương 10.000.000đ.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương 20.000.000đ.

- Đối với yêu cầu đóng các khoản BHXH, BHYT bà M có thay đổi so với đơn khởi kiện: Trước đây bà M đề nghị Công ty bồi thường việc không thực hiện quyền lợi đóng BHXH, BHYT trong thời gian 4 tháng từ ngày 01/1/2017 đến ngày 31/8/2017 tương ứng số tiền 8.800.000đ. Nay, bà yêu cầu Công ty cùng

có trách nhiệm thực hiện quyền lợi đóng BHXH, BHYT trong toàn thời gian hiệu lực của hợp đồng từ 01/09/2016 đến 01/9/2017.

- Bổ sung thêm yêu cầu hủy quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động ngày 26/12/2016 của Công ty.

Bà M đề nghị rút lại 02 yêu cầu:

- Thanh toán 15% lương của 02 tháng thử việc mà Công ty đã trả thiếu (theo Bộ luật lao động thì lương thử việc 85%, Công ty chỉ trả 70%) là: 15% x 10.000.000đ x 02 tháng = 3.000.000đ.

- Yêu cầu nhận bà trở lại làm việc do hợp đồng hết hạn vào ngày 01/9/2017 và chỉ yêu cầu trả tiền lương đến ngày 31/8/2017.

Bị đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam có ông Lê Phước L là đại diện theo pháp luật: vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.

Bị đơn: vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu quan điểm nhận xét về việc chấp hành pháp luật về tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án thì thẩm phán, hội đồng xét xử, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn: hủy quyết định chấm dứt hợp đồng trái luật, buộc bị đơn bồi thường tiền lương những ngày nguyên đơn không được làm việc, 02 tháng tiền lương, bồi thường do vi phạm thời gian báo trước, lương để tính các khoản bồi thường là 8.500.000đ, buộc 02 bên liên hệ BHXH quận Tân Bình để đóng các khoản BHXH theo quy định và đình chỉ giải quyết các yêu cầu nguyên đơn rút tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị M khởi kiện về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam có trụ sở tại đường C, Phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định

tại Khoản 1 Điều 32; điểm c Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về điều kiện khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 23/01/2017, hợp đồng lao động động số HDLD/M810215-160630AOD-NDNVN ngày 01/9/2016 và Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ngày 26/12/2016 thì nguyên đơn cho rằng bị đơn đã chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản theo quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 201 Bộ luật lao động năm 2012 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đủ điều kiện khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp là đơn phương chấp dứt hợp đồng lao động.

Về tố tụng: Theo như đơn khởi kiện, nguyên đơn có cung cấp địa chỉ mới của Công ty tại Lầu 4 đường P, Phường Đ, quận V1 nhưng theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 23/1/2017, 21/3/2017 và ngày 23/8/2017 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp và Công văn số 43899/CCT-TB-KTT4 ngày 05/7/2017 của Chi cục thuế quận T thì bị đơn chỉ có trụ sở chính tại đường C, quận T và đến hiện tại vẫn thực hiện các nghĩa vụ thuế tại Chi cục thuế quận T thể hiện bị đơn đã không tuân thủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp bởi lẽ theo Điều 40 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP:

"1. Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp phải thực hiện các thủ tục với cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính đến nơi khác trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đã đăng ký, doanh nghiệp gửi Thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đã đăng ký".

Từ lý do trên, Tòa án nhân dân quận Tân Bình tiến hành thủ tục niêm yết tại trụ sở chính của bị đơn theo địa chỉ đường C, quận T. Do Tòa án nhân dân quận Tân Bình triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về các khoản yêu cầu do bị đơn chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, thấy: Công ty có ký hợp đồng lao động số HDLD/M810215-160630AOD-NDNVN ngày 01/9/2016 với nguyên đơn, loại hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng từ ngày 01/9/2016 đến ngày 01/9/2017; chức danh chuyên môn: Office Manager; mức lương chính hoặc tiền

công: 3.750.000đ; phụ cấp công tác phí gồm: tiền ăn trưa: 500.000đ, phụ cấp đi lại: 500.000đ, chi phí gửi xe: 500.000đ, trách nhiệm công việc: 4.750.000đ.

Ngày 26/12/2016 Công ty ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà Mẫn với lý do theo đơn xin nghỉ việc. Xét tính hợp pháp của Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động ngày 26/12/2016 do ông Nguyễn Công M ký, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp ngày 23/01/2017 và giấy ủy quyền số 02/2014/UQ-NDNVN ngày 10/12/2014 thì việc bà Võ Thị Thu Hiền là đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền cho ông Phạm Công M với nội dung được ủy quyền:" Ông Nguyễn Công M được thay mặt Giám đốc Công ty TNHH N Việt Nam thức hiện các việc sau: - Giao dịch, ký kết tất cả hợp đồng, thanh lý đối với khách hàng, nhà cung cấp, người lao động…" thì Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động ngày 26/12/2016 đã phát sinh hiệu lực. Lý do để Công ty ra quyết định trên là theo đơn xin nghỉ việc tuy nhiên phía nguyên đơn xác định là bà không hề viết, ký bất cứ đơn xin nghỉ việc nào. Về phía bị đơn, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết thông báo thụ lý, triệu tập tam gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải kể cả tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt và không có bất kỳ ý kiến gì đối với các yêu cầu của nguyên đơn xem như từ bỏ việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật do đó lời trình bày của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Theo hợp đồng hai bên đã ký sẽ hết hạn vào ngày 01/9/2017 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lương trong những ngày không được làm việc đến ngày 31/8/2017 nên HĐXX ghi nhận.

Do bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012, cụ thể là:

Đối với yêu cầu Công ty trả lương từ ngày 01/01/2017 đến nay (mức lương 10.000.000đ/tháng). Hội đồng xét xử xét thấy:

Điều 90 Bộ luật lao động năm 2012 quy định: ‘‘Tiền lương

1.Tiền lương là khoản tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động để thực hiện công việc theo thỏa thuận.

Tiền lương bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác.

Mức lương của người lao động không được thấp hơn mức lương tối thiểu do chính Chính phủ quy định.

2. Tiền lương trả cho người lao động căn cứ vào năng suất lao động và chất lượng công việc.…’’

Điều 21 Nghị định 05/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động, quy

định: ‘‘Tiền lương theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều 90 của Bộ luật lao động được quy định như sau:

1. Tiền lương ghi trong hợp đồng lao động do người lao động thỏa thuận với người sử dụng lao động để thực hiện công việc nhất định, bao gồm:

a) Mức lương theo công việc hoặc chức danh là mức lương trong thang lương, bảng lương do người sử dụng lao động xây dựng …;

b) Phụ cấp lương là khoản tiền bù đắp các yếu tố về điều kiện lao động, tính chất phức tạp của công việc, điều kiện sinh hoạt, mức độ thu hút lao động chưa được tính đến hoặc tính chưa đầy đủ trong mức lương theo công việc hoặc chức danh;

c) Các khoản bổ sung khác là khoản tiền bổ sung, ngoài mức lương, phụ cấp lương và có liên quan đến việc thực hiện công việc hoặc chức danh trong hợp đồng lao động, trừ tiền thưởng, tiền ăn giữa ca, các khoản hỗ trợ, trợ cấp của người sử dụng lao động không liên quan đến thực hiện công việc hoặc chức danh trong hợp đồng lao động…..’’

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức lương để tính các khoản tiền bồi thường cho các yêu cầu trên là 8.500.000đ bao gồm mức lương chính 3.750.000đ và phụ cấp trách nhiệm công việc 4.750.000đ, các khoản khác như phụ cấp: tiền ăn trưa: 500.000đ, phụ cấp đi lại: 500.000đ, chi phí gửi xe: 500.000đ chỉ là hỗ trợ không liên quan đến việc thực hiện công việc hoặc chức danh nên không được chấp nhận. Vậy, Công ty có trách nhiệm thanh toán lương cho bà từ ngày 01/01/2017 cho đến ngày 31/8/2017 là 08 tháng tương ứng số tiền: 8.500.000đ x 8 tháng = 68.000.000đ.

Đối với yêu cầu bồi thường 02 tháng tiền lương sẽ tương ứng số tiền 8.500.000đ x 2 tháng = 17.000.000đ.

Về yêu cầu bồi thường vi phạm thời hạn báo trước nghỉ việc 30 ngày tương đương 01 tháng lương, thấy: Ngày 26/12/2016 bà M nhận được quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động được ký cùng ngày do đó Công ty đã vi phạm thời gian báo trước theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Bộ luật lao động năm 2013 nên Công ty phải bồi thường cho bà M khoản tiền tương ứng với 01 tháng tiền lương trong những ngày không được báo trước là 8.500.000đ.

Đối với yêu cầu Công ty cùng có trách nhiệm với bà M tham gia đóng BHXH, BHYT trong thời gian 12 tháng làm việc theo hợp đồng lao động từ ngày 01/9/2016 đến 31/08/2017, thấy: Theo công văn số 967/CV-BHXH ngày 30/8/2017 của Bảo hiểm xã hội quận T thì cho đến thời điểm hiện tại Công ty chưa tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ –BNN cho bà M . Tuy nhiên, do bà M và Công ty là những đối tượng tham gia BHXH bắt buộc, BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ –BNN từ tháng 9/2016 nên yêu cầu này là có cơ sở chấp nhận do đó cả hai phải cùng có nghĩa vụ trích đóng theo quy định. Căn cứ Theo hợp đồng lao động số HDLD/M810215-160630AOD-NDNVN ngày 01/9/2016 thì mức lương làm căn cứ đóng là 8.500.000đ, vậy tỷ lệ trích đóng cụ thể như sau:

Công ty đóng:

- Từ tháng 09/2016 đến tháng 05/2017: 22%/tháng tương ứng số tiền: 8.500.000đ x 22% x 9 tháng = 16.830.000đ. (1.870.000đ/tháng)

- Từ tháng 06/2017 đến 31/08/2017: đóng 21,5% tương ứng số tiền: 8.500.000đ x 21,5% x 3 tháng = 5.482.500đ (1.827.500đ/tháng)

Bà M đóng:

- Từ tháng 09/2016 đến 31/08/2017: đóng 10,5%/tháng tương ứng số tiền: 8.500.000đ x 10,5% x 12 tháng = 10.710.000đ. (892.500đ/tháng)

Đối với các yêu cầu buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam nhận bà M trở lại làm việc và thanh toán 15% lương của 02 tháng thử việc là 3.000.000đ do bà M rút lại yêu cầu là tự nguyện và có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Về thời hạn thi hành án: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về địa điểm thi hành án: Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Về án phí : Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 36, Điều 38, khoản 1, khoản 5 Điều 42, Điều 90 Bộ luật lao động năm 2012;

- Căn cứ Điều 21 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động năm 2012;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 12; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị M .

a) Hợp đồng lao động số HDLD/M810215-160630AOD-NDNVN ngày 01/9/2016 được ký giữa bà Nguyễn Thị M và Công ty Trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam chấm dứt kể từ ngày 01/9/2017 do hết thời hạn.

b/ Hủy quyết định không số ngày 26/12/2017 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Nguyễn Thị M .

c/ Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị M một khoản tiền tương ứng với tiền lương trong những ngày không được làm việc tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/8/2017 số tiền 68.000.000đ (Sáu mươi tám triệu đồng).

d/ Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị M 02 tháng tiền lương là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).

đ/ Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị M 01 tháng tiền lương do vi phạm thời gian báo trước là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm ngàn đồng).

e/ Công ty Trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam và bà Nguyễn Thị M cùng liên hệ Bảo hiểm xã hội quận Tân Bình để thực hiện trích đóng BHXH bắt buộc, BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ –BNN cụ thể như sau: bà Nguyễn Thị M đóng 10.710.000đ (Mười triệu bảy trăm mười ngàn đồng), Công ty Trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam đóng 22.312.500đ (Hai mươi hai triệu ba trăm mười hai ngàn năm trăm đồng). Sau khi thực hiện xong các nghĩa vụ đóng BHXH bắt buộc, BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ –BNN, Công ty Trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam có trách nhiệm chốt sổ và trả sổ BHXH cho bà Nguyễn Thị M .

f/ Đình chỉ yêu cầu về việc buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam nhận bà Nguyễn Thị M trở lại làm việc do bà M rút yêu cầu.

g/ Đình chỉ yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam thanh toán 15% lương của 02 tháng thử việc là: 15% x 10.000.000đ x 02 tháng = 3.000.000đ do bà M rút lại yêu cầu.

2/ Về thời hạn thi hành án: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về địa điểm thi hành án: Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4/ Về án phí: Án phí lao động sơ thẩm là 3.474.360đ (Ba triệu bốn trăm bảy mươi bốn ngàn ba trăm sáu mươi đồng) do Công ty Trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam chịu.

Bà Nguyễn Thị M được miễn án phí lao động sơ thẩm đối với phần không được chấp nhận .

5/ Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam chậm trả tiền thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn N Việt Nam phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

7. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Bích Thảo